

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý
Ông Phan Lâm Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Phòng X, Cụm Khu công nghiệp dân cư Nhị X, ấp N, xã Xuân Thới S, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2023 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B có lời trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn T quen nhau năm 2003 và sau đó tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 22/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thanh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau. Ông T ghen tuông vô cớ, thường xuyên mắng chửi, hăm dọa vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07 năm 2022 đến nay. Nay do không còn tình thương dành cho chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên

bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung, vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Ngọc G đã trưởng thành, Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/9/2008 đang sống cùng bà và Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 01/5/2016 đang sống cùng ông T, bà yêu cầu được nuôi cháu T1, đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/5/2023 và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Huỳnh Văn T có lời trình bày:*

Ông và vợ Nguyễn Ngọc B quen nhau do tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, ngày 22/4/2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thanh T. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau và có 03 con chung tên Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 12/9/2004, Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/9/2008 và Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 01/5/2016, hiện cháu G đã trưởng thành, cháu T1 đang sống bên ngoại đi học còn cháu T2 thì đang sống với ông ở thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị lên lớp 2, trường tiểu học Nhị X, huyện Hóc M. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nội dung vợ trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là ông không thông nhất, ông vẫn còn rất thương vợ con. Trước đây khi cuộc sống vợ chồng còn khó khăn ông có la mắng vợ và đánh vợ do áp lực cuộc sống, nhưng hiện nay kinh tế đã ổn định sau này lên Sài Gòn ông cũng không còn la mắng vợ và đánh vợ, hiện ông còn làm chung công ty của em vợ, bên gia đình vợ ai cũng quý mến. Vợ vô cớ giận ông và bỏ đi đến nay khoảng 01 năm, ông nhiều lần năn nỉ vợ trở về đoàn tụ nuôi con nhưng vợ ông cắt liên lạc với ông. Tết năm rồi bà B đã một lần gửi đơn ly hôn tại Tòa án huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu là quê của ông nhưng sau đó thì vợ rút đơn lại, nay lại tiếp tục yêu cầu ly hôn. Do vẫn còn thương vợ ông yêu cầu Tòa án hàn gắn cho vợ chồng sống đoàn tụ với nhau nuôi con.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà B được ly hôn với ông T; Về con chung, giao bà B được quyền nuôi dưỡng cháu T1, giao ông T được quyền nuôi dưỡng cháu T2, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, bà B và ông T có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự thể hiện trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông T đã từng có hành vi bạo lực gia đình với vợ nên bà B đã một lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn lại, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng tháng 07 năm 2022 đến nay, bà B tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T trình bày do vẫn còn thương vợ nên mong muốn được hàn gắn đoạn tụ để vợ chồng chung sống với nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, đã động viên hàn gắn nhưng không thành vì bà B cương quyết ly hôn do không muốn tiếp tục chung sống với ông T, bà B nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, trong đơn bà giữ vững nội dung khởi kiện xin ly hôn với ông T điều này càng thể hiện quyết tâm và nguyện vọng của bà là muốn được ly hôn với ông T. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc bà B phải tiếp tục chung sống với ông T nếu như bà không còn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giải quyết cho bà B được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà B và ông T thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 12/9/2004, Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/9/2008 và Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 01/5/2016. Hiện cháu G đã trưởng thành, cháu T1 đang sống với mẹ, còn cháu T2 thì đang sống cùng cha. Bà B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 và đồng ý giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T1 đang sống với bà B và cháu T2 đang sống cùng ông T đều ổn định về chỗ ở và học hành, nên cần thiết tiếp tục giao cháu T1 cho bà B và giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp nguyện vọng của con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền được thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi, không ai được ngăn

cán. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà B đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc B được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

2. Về quyền nuôi con: Giao bà Nguyễn Ngọc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc T1, sinh ngày 08/9/2008 và giao ông Huỳnh Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 01/5/2016 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Ngọc B và ông Huỳnh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc B nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008086 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, bà B đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Tuân T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp